



zhǔ cài

煮菜

verb · cook vegetables

Example Sentence

Mā ma zhèng zài chú fáng lǐ zhǔ cài

妈妈正在厨房里煮菜。

Mom is cooking vegetables in the kitchen.

Trace each character, then write the word on your own.

煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮	煮
煮	煮	煮	煮							

菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜
菜	菜	菜								

